ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 43 /2022/QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 21 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc tại các tổ chức hội được giao chỉ tiêu biên chế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương

trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 554/TTr-SNV ngày 05 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc tại các tổ chức hội được giao chỉ tiêu biên chế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổ chức tuyển dụng trước ngày ban hành Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Sau thời hạn này nếu không hoàn thành thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Bãi bỏ các văn bản sau:

a) Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định thẩm quyền quyết định tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng và quản lý công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu.

b) Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tiền lương cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội được giao biên chế, công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu.

c) Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Trị.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Người đứng đầu các tổ chức hội cấp tỉnh được giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở và tương đương;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các tổ chức hội được giao biên chế;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Sỹ Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc tại các tổ chức hội được giao chỉ tiêu biên chế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Quyết định số 43 /2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân công, phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc tại các tổ chức hội được giao biên chế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở và tương đương); Người đứng đầu chi cục, ban thuộc sở và tương đương; Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và tương đương; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế;

c) Người đứng đầu các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế.

Điều 2. Nguyên tắc phân công, phân cấp

1. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc tại các tổ chức hội được giao chỉ tiêu biên chế trên địa bàn tỉnh; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục khi quyết định các nội dung được phân công, phân cấp.

2. Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, phát huy tính chủ động, linh hoạt, tự chủ, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong thực hiện nội dung được phân công, phân cấp; đảm bảo việc kết hợp chặt chẽ quản lý theo ngành và quản lý theo địa phương.

3. Việc phân công, phân cấp phải gắn với công tác giám sát, kiểm tra và thanh tra; đảm bảo việc thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật. Các nội dung thực

hiện theo phân công, phân cấp phải được báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp và kịp thời xử lý những hạn chế, khuyết điểm hoặc vi phạm.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TUYỂN DỤNG

Điều 3. Tuyển dụng công chức

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tuyển dụng công chức theo hình thức xét tuyển *(đối với đối tượng là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng)*, thi tuyển và tiếp nhận vào làm công chức.

2. Sở và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức theo hình thức xét tuyển *(đối với đối tượng là người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học)* sau khi có ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 2
PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP SỬ DỤNG

Điều 4. Chuyển ngạch công chức, chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chuyển ngạch công chức, chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức khi công chức, viên chức thay đổi vị trí việc làm mà ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đang giữ không phù hợp với yêu cầu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của vị trí việc làm mới đối với: các chức danh Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quản lý, ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy quản lý, Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp quản lý; hiện đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng I.

2. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định chuyển ngạch công chức, chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức khi công chức, viên chức thay đổi vị trí việc làm mà ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đang giữ không phù hợp với yêu cầu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của vị trí việc làm mới đối với các trường hợp hiện đang giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên)*.

3. Người đứng đầu: Sở và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, tổ chức Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh được giao chỉ tiêu biên chế; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định chuyển ngạch công chức, chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức khi công chức, viên chức thay đổi vị trí việc làm mà ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đang giữ không phù hợp với yêu cầu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của vị trí việc làm mới đối với công chức, viên chức trực tiếp quản lý; công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị cấp dưới giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng

III trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).*

Điều 5. Bổ nhiệm vào ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương

1. Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định việc xét nâng ngạch đối với công chức.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức đạt kết quả xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp hạng I; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh quản lý đạt kết quả xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp.

b) Bổ nhiệm ngạch, xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng I đối với cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển thi nâng ngạch, thi hoặc xét thăng hạng (sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ).

c) Bổ nhiệm ngạch, xếp lương ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II đối với đối với cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chủ tịch UBND tỉnh quản lý trúng tuyển thi nâng ngạch, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

3. Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II đối với cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; viên chức đạt kết quả xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp *(trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên).*

4. Người đứng đầu: Sở và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, tổ chức Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh được giao chỉ tiêu biên chế; Chủ tịch UBND cấp huyện bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên, chức danh nghề nghiệp hạng III trở xuống đối với công chức, viên chức trực tiếp quản lý, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị cấp dưới trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, viên chức đạt kết quả xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp.

Điều 6. Nâng bậc lương và các khoản phụ cấp khác

1. Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và các khoản phụ cấp theo lương đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng I *(trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn đối với diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy).*

b) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và các khoản phụ cấp theo lương đối với cán bộ, công chức, viên chức: Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp quản lý (bao gồm trường hợp ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy quản lý); Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp quản lý.

2. Giám đốc Sở Nội vụ thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn đối với: công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II; người làm việc tại Hội giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống *(trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và viên chức giữ chức*

danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên).

3. Người đứng đầu các sở và tương đương

a) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và các khoản phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống *(trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên chính sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ).*

b) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của: Chi cục trưởng và tương đương thuộc sở và tương đương; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và tương đương giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên chính *(sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ).*

4. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh

a) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và các khoản phụ cấp theo lương đối với viên chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống *(trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên chính sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ).*

b) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp dưới giữ chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên chính *(sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ).*

5. Người đứng đầu các tổ chức Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh được giao chỉ tiêu biên chế

a) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và các phụ cấp theo lương đối với người làm việc thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống *(đối với nâng bậc lương trước thời hạn sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ).*

b) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với người làm việc thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp dưới giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II *(sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ).*

6. Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và các khoản phụ cấp theo lương đối với cán bộ, công chức, viên chức: diện Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy trực tiếp quản lý; Chủ tịch UBND cấp huyện trực tiếp quản lý giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống *(trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động giữ ngạch chuyên viên chính và*

tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên chính sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ).

b) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện giữ chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên chính *(sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ).*

7. Chi cục trưởng và tương đương thuộc sở và tương đương quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và các khoản phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống *(trừ nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên chính).*

8. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: Sở và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh được giao chỉ tiêu biên chế; UBND cấp huyện quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và các khoản phụ cấp theo lương đối với viên chức, người làm việc, người lao động thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống, chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống *(trừ nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người làm việc giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương, chức danh nghề nghiệp hạng II hưởng lương tương đương ngạch chuyên viên chính).*

Điều 7. Quyết định về đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện trực tiếp quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng.

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức (trừ cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nghiên cứu ở nước ngoài.

c) Cử cán bộ, công chức, viên chức (trừ cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp và tương đương, bồi dưỡng kỹ năng quản lý cấp Sở và tương đương, bồi dưỡng kỹ năng quản lý cấp huyện và tương đương.

d) Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo chính sách của tỉnh.

2. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm và giai đoạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tại khoản 1 Điều này đi đào tạo, bồi dưỡng.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; hằng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ.

3. Người đứng đầu các sở và tương đương:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức,

viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Quyết định cử công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo sau đại học trong nước bằng kinh phí tự túc, nguồn kinh phí của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc nguồn kinh phí khác theo đúng quy định.

c) Quyết định cử công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành, tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

d) Quyết định hỗ trợ kinh phí đối với công chức, viên chức nữ đi đào tạo, bồi dưỡng theo chính sách của tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

b) Quyết định cử công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo sau đại học trong nước bằng kinh phí tự túc hoặc nguồn kinh phí của đơn vị sự nghiệp công lập; cử cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đi đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học và cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo sau đại học trong nước bằng kinh phí tự túc, kinh phí của tỉnh hoặc kinh phí của cơ quan, đơn vị.

c) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành, tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

d) Quyết định hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ đi đào tạo, bồi dưỡng theo chính sách của tỉnh.

đ) Quyết định tổ chức các lớp bồi dưỡng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, khu phố từ nguồn kinh phí được cấp hàng năm cho đơn vị và các nguồn kinh phí của các chương trình, dự án, các tổ chức, cá nhân tài trợ.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Căn cứ Quy định này, các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định khác về phân công, phân cấp có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản đó.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để được hướng dẫn, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.